



ISO 9001:2008

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: VĂN HOÁ DU LỊCH

MÃ NGÀNH: C70

I. Giới thiệu chung:

I.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Văn hoá Du lịch có trình độ lý luận, phẩm chất chính trị, có đạo đức, tư cách tốt, yêu ngành, yêu nghề. Các cử nhân văn hoá du lịch được trang bị các kiến thức cơ bản, chuyên ngành về văn hoá và du lịch. Phục vụ tốt công tác nghiệp vụ hoạt động tại các doanh nghiệp du lịch và các tổ chức liên quan.

I.2. Mục tiêu cụ thể

I.2.1. Về chính trị tư tưởng

Sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường nắm vững những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và có khả năng vận dụng vào thực tiễn Việt Nam; thực hiện tốt các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

I.2.2. Về đạo đức

Sinh viên được giáo dục lòng trung thành với Tổ quốc, có phẩm chất đạo đức tốt, khiêm tốn, trung thực, có ý thức trách nhiệm, có tác phong công nghiệp, có thái độ cầu thị, hòa hợp, luôn có ý thức vươn lên trong chuyên môn nghiệp vụ.

I.2.3. Về chuyên môn, nghiệp vụ

Đào tạo cử nhân Văn hóa du lịch:

- Có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn đáp ứng yêu cầu của ngành Văn hóa du lịch như lịch sử, văn hóa, địa lý và tài nguyên du lịch, tâm lý khách du lịch,...

- Có kiến thức tổng quan về du lịch và dịch vụ, các nghiệp vụ du lịch, marketing và kinh doanh du lịch, quản lý doanh nghiệp du lịch (khách sạn, nhà hàng, lữ hành).

- Có các kỹ năng thực hiện các thao tác nghiệp vụ du lịch của nhân viên tại các doanh nghiệp lữ hành hoặc các khách sạn, nhà hàng.

- Có kỹ năng thực hiện nghiệp vụ của cán bộ sở (phòng) Văn hóa, thể thao và du lịch; cán bộ viện nghiên cứu, bảo tàng; cán bộ giảng dạy...

- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình.

1.2.4. Về sức khỏe:

- Có hiểu biết và phương pháp rèn luyện thể chất, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Thường xuyên rèn luyện cơ thể để có sức khỏe đảm bảo công tác lâu dài và sẵn sàng chiến đấu giữ gìn trật tự trị an, bảo vệ Tổ quốc.

1.3. Thời gian đào tạo: 3 năm (6 học kỳ)

1.4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: Gồm 98 tín chỉ bắt buộc bao gồm cả Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng.

1.5. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, trúng tuyển vào ngành Văn hóa du lịch của trường. Có đủ sức khỏe học tập.

1.6. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.6.1. Quy trình đào tạo:

Thực hiện theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cuối khóa học sinh viên phải thi tốt nghiệp.

1.6.2. Điều kiện tốt nghiệp

*** Điều kiện nhận nhiệm vụ tốt nghiệp:**

Các sinh viên được giao nhiệm vụ tốt nghiệp khi:

- Hoàn thành mọi nhiệm vụ học tập về lý thuyết, thực hành, kiến tập, thực tập... theo yêu cầu của ngành học.

- Không còn môn học dưới điểm 5.

- Đạt chứng chỉ ICDL và điều kiện ngoại ngữ theo qui định của nhà trường

*** Hình thức làm tốt nghiệp:** Sinh viên thi tốt nghiệp các môn:

+ Cơ sở chuyên ngành

+ Chuyên ngành

*** Điều kiện nhận bằng tốt nghiệp:** Sinh viên sẽ được nhận bằng tốt nghiệp khi:

- Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên.

- Có đủ 2 chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất.

- Các môn thi tốt nghiệp không có điểm môn nào dưới 5.

1.7. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

II. Nội dung chương trình đào tạo:

II.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 98 tín chỉ, trong đó:

A. Khối kiến thức giáo dục đại cương (52 tín chỉ)

- A1. Khối kiến thức giáo dục chung (Lý luận chính trị, Ngoại ngữ, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng, v.v .): 36 tín chỉ, chiếm tỷ lệ: 69,3%
- A2. Khối kiến thức Toán, KHTN: 04 tín chỉ, chiếm tỷ lệ: 7,7%
- A3. Khối kiến thức KHXH-NV: 12 tín chỉ, chiếm tỷ lệ: 23%

B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (38 tín chỉ)

- B1. Khối kiến thức cơ sở của khối ngành, nhóm ngành: 14 tín chỉ, chiếm tỷ lệ: 36,8%
- B2. Khối kiến thức ngành, chuyên ngành: 09 tín chỉ, chiếm tỷ lệ: 23,7%
- B3. Khối kiến thức bổ trợ, thực tập nghề nghiệp: 09 tín chỉ, chiếm tỷ lệ: 23,7%
- B4. Thi tốt nghiệp: 06 tín chỉ, chiếm tỷ lệ: 15,8%.

C. Khối kiến thức tự chọn bắt buộc (8 tín chỉ)

- C1. Khối kiến thức đại cương tự chọn: 04 tín chỉ, chiếm tỷ lệ: 50%
- C2. Khối kiến thức chuyên nghiệp tự chọn: 04 tín chỉ, chiếm tỷ lệ: 50%

D. Khối kiến thức tự chọn không bắt buộc (15 tín chỉ)

Sinh viên được lựa chọn chương trình đào tạo riêng cho mình dưới sự tư vấn, đề xuất của cố vấn học tập theo chương trình chung được trình bày ở trên.

II. 2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ					Môn học tiên quyết (*)
				Lên lớp			TH	Tự học, tự NC	
				LT	BT, KT	TL			
A		Khối kiến thức giáo dục đại cương	52						
A1		Khối kiến thức giáo dục chung	36						
<i>A 1.1</i>		<i>Lý luận chính trị</i>	<i>10</i>						
A1.1.1	MLP21021	Những NLCB của CN Mac-Lênin 1	2						
A1.1.2	MLP21032	Những NLCB của CN Mac-Lênin 2	3						A1.1.1
A1.1.3	HCM21021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2						A1.1.2
A1.1.4	VRP21031	Đường lối cách mạng Việt Nam	3						A1.1.3
<i>A 1.2</i>		<i>Ngoại ngữ</i>	<i>18</i>						
A1.2.1	ENG21041	Tiếng Anh 1	4						
A1.2.2	ENG21042	Tiếng Anh 2	4						A1.2.1
A1.2.3	ENG21053	Tiếng Anh 3	5						A1.2.2
A1.2.4	ENG21054	Tiếng Anh 4	5						A1.2.3
<i>A 1.3</i>		<i>Giáo dục thể chất</i>	<i>3</i>						
		Học phần bắt buộc	2						
A1.3.1	SWI21011	Bơi lội	1						
A1.3.2	APE21011	Điện kinh - Thể dục	1						
		Học phần tự chọn bắt buộc	1						
A1.3.3	VOL21011	Bóng chuyền (tự chọn)	1						
A1.3.4	FOO21011	Bóng đá (tự chọn)	1						
A1.3.5	BAD21011	Cầu lông (tự chọn)	1						
<i>A 1.4</i>	<i>NDE21051</i>	<i>Giáo dục quốc phòng</i>	<i>5</i>						
A2		Khối kiến thức Toán, Khoa học tự nhiên, Công nghệ và môi trường	4						
A2.1	ICD21021	Tin học đại cương 1 (ICDL)	2						
A2.2	ICD21022	Tin học đại cương 2 (ICDL)	2						A2.1
A3		Khối kiến thức khoa học xã hội và nhân văn	12						
A3.1	LAW21021	Pháp luật đại cương	2						
A3.2	BVC21021	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2						
A3.3	GVH21021	Đại cương lịch sử Việt Nam	2						
A3.4	HIC21021	Lịch sử văn minh thế giới	2						A3.3
A3.5	GEC21021	Kinh tế học đại cương	2						

A3.7	PCS23021	Kỹ năng thuyết trình, giao tiếp hiệu quả	2						
B		Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	38						
B.1		Khối kiến thức cơ sở khối ngành và nhóm ngành	14						
B1.1	IST22021	Nhập môn khoa học du lịch	2	23	5	12		5	
B1.2	PLT22021	Tâm lý học du lịch	2	28	3	14			B1.1
B1.3	ENT22021	Môi trường du lịch	2	31	2	12			B1.1
B1.4	TGP22021	Địa lý du lịch	2	31	3	7		4	B1.1
B1.5	HNT22021	Hán Nôm dành cho du lịch 1	2	43	2				
B1.6	BTE22021	Cơ sở kinh tế du lịch	2	30	7	8			B1.1, A3.5
B1.7	TMA22021	Marketing du lịch	2	36.5	2	6.5			B1.1
B2		Khối kiến thức của ngành và chuyên ngành	9						
B2.1	TGS23031	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	43	3	13	9		B1.4
B2.2	HCP23021	Nghiệp vụ khách sạn	2	27	7	9		2	B1.1
B2.3	TBA23021	Quản trị kinh doanh lữ hành	2	27	6	5	7		B1.7, B2.1
B2.4	HBA23021	Quản trị kinh doanh khách sạn	2	24.5	10	3		7.5	B1.7, B2.2
B3		Khối kiến thức bổ trợ, thực tập nghề nghiệp	9						
B3.1	TGP24021	Thực hành hướng dẫn du lịch	2				45		B2.1
B3.2	HCP24021	Thực hành nghiệp vụ khách sạn	2	15.5	2		27.5		B2.2
B3.3	ITS24021	Thực tập chuyên đề	2						B1.4, B2.1
B3.4	TBP24011	Thực hành quản trị KD lữ hành	1	3			20		B2.3
B3.5	GRP24021	Thực tập tốt nghiệp	2						
B4	EOG37101	Thi tốt nghiệp	6						
C		Khối kiến thức tự chọn bắt buộc (chọn 8 trong 16)	8						
C.1		Khối kiến thức đại cương tự chọn bắt buộc	4						
C1.1	TLT22021	Văn học dân gian	2	34	2	6		3	
C1.2	VNL22021	Văn học Việt Nam	2	30	2	5	5	3	
C1.3	HOR22021	Lịch sử tôn giáo	2	31	5	4	5		A3.2, A3.4
C.2		Khối kiến thức chuyên nghiệp tự chọn bắt buộc	4						
C2.1	WHV23021	Di sản thế giới ở Việt Nam	2	32	5	8			B1.4
C2.2	OTA23021	Tổ chức hoạt động Teambuilding trong du lịch	2	11	2	2	30		
C2.3	FRP23021	Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao	2	28	4	3	8	2	B2.4
C2.4	HFS23021	Tổ chức sự kiện	2	24	9	7	5		

		Cộng bắt buộc (A+B)	86						
		Cộng tự chọn bắt buộc (C)	8						
		Tổng cộng bắt buộc và tự chọn bắt buộc	98						
D		Khối kiến thức tự chọn tự do	15						
D1	RMD22021	Phương pháp nghiên cứu KH	2						
D2	VNP22021	Tiếng Việt thực hành	2						
D3	TWS22011	Kỹ năng làm việc đồng đội	1						
D4	ENH21021	Môi trường và con người	2						
D5	EDC23021	Văn hoá ẩm thực	2						A3.2
D6	NST23021	Kỹ năng đàm phán trong du lịch	2						
D7	ADP23021	Nghiệp vụ quảng cáo DL	2						B1.7
D8	CTB23021	Văn hóa trong kinh doanh DL	2						

Ghi chú:

Số TC: Tổng số tín chỉ của môn học

LT: Số tín chỉ lý thuyết

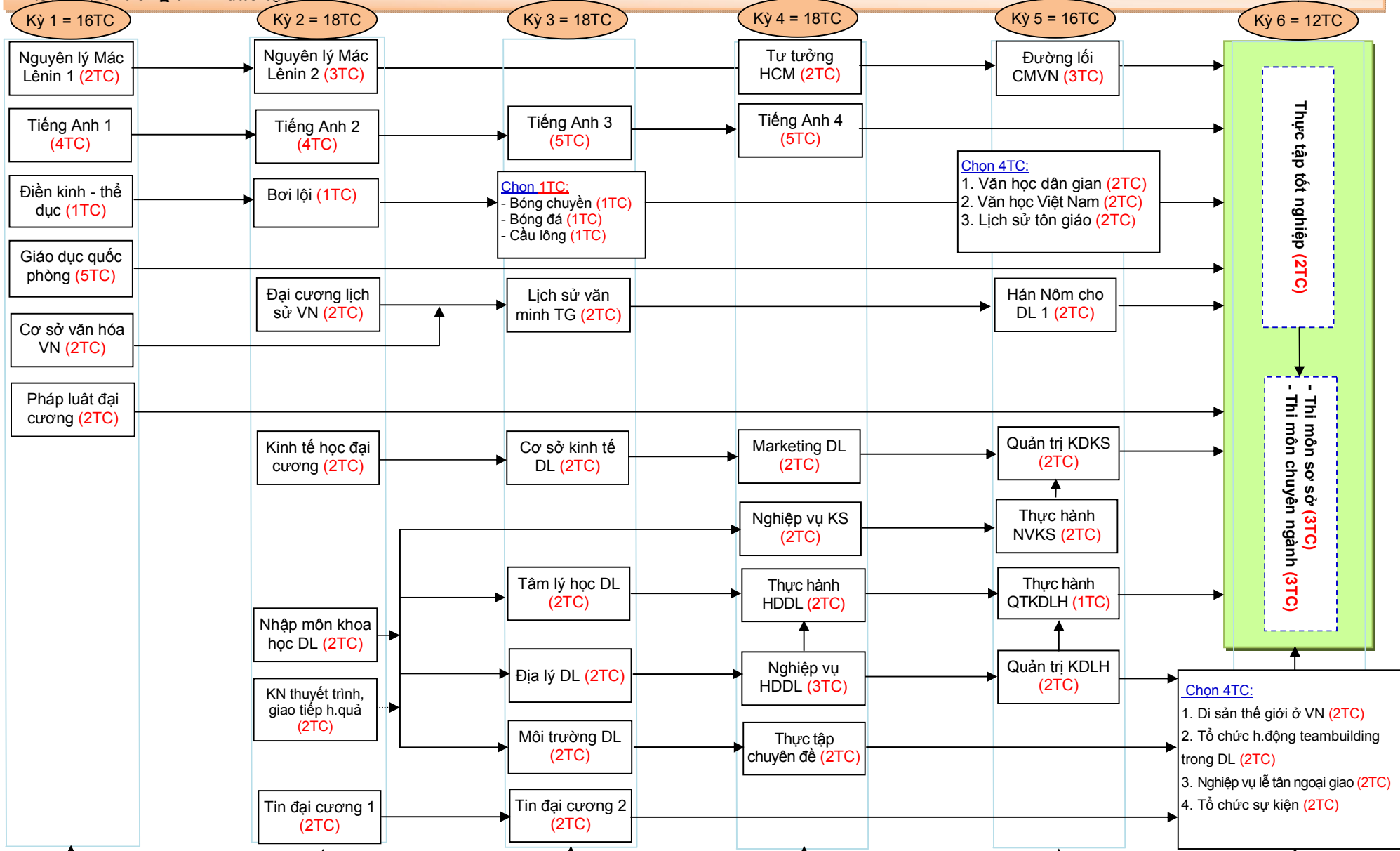
TH: Thực hành, thí nghiệm, TT giáo trình, ...

BT: Số tín chỉ bài tập

TL: Số tín chỉ thảo luận

(*) Ghi số thứ tự của môn học tiên quyết

II.3. Cây chương trình đào tạo



Các môn tự chọn không bắt buộc: Phương pháp nghiên cứu KH (2TC), Tiếng Việt thực hành (2TC), Môi trường và con người (2TC), Văn hóa ẩm thực (2TC), Kỹ năng đàm phán trong DL (2TC), Nghiệp vụ quảng cáo DL (2TC), Văn hóa kinh doanh trong DL (2TC), Kỹ năng làm việc đồng đội (1TC)

